

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2023/DS-PT
Ngày 10-4-2023
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng

Bà Trần Thị Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hoài Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 438/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022, về việc “tranh chấp kiện đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 58/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Vũ Long H, sinh năm 1977; thường trú: đường Đ, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Bà Trần Thụy Bảo T, sinh năm 1976; thường trú: đường X, Phường H1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: số 25, đường GS 01, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hồng T1, sinh năm 1996; trú tại: khối M, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An và bà Huỳnh Thị Vân A, sinh năm 1994; trú tại: thôn M, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (giấy ủy quyền ngày 19 tháng 10 năm 2021); bà T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà A vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Hà Quốc B Luật sư của Công ty Luật TNHH hãng luật B thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Hà Thị L, sinh năm 1981 và ông Lê Đình T2, sinh năm 1975; cùng trú tại: khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn ông Vũ Long H và bà Trần Thụy Bảo T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Vũ Long H và bà Trần Thụy Bảo T trình bày:*

Ông Vũ Long H và bà Trần Thụy Bảo T là người quản lý, sử dụng quyền sử dụng thửa đất số 2861, tờ bản đồ số 2, tại phường Tân Đông Hiệp, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 052193, số vào sổ 00896, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/01/2017. Do có nhu cầu chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên vào ngày 28 tháng 4 năm 2021, ông H, bà T ký kết hợp đồng với bà L về việc bà L đặt cọc nhận chuyển nhượng đất số tiền 200.000.000 đồng để đảm bảo cho việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên với giá chuyển nhượng là 2.500.000.000 đồng. Hai bên cam kết trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng đặt cọc sẽ tiến hành ký hợp đồng chuyển nhượng tại cơ quan có thẩm quyền. Đồng thời, ông T2, bà L cam kết sẽ thanh toán đủ tiền nhận chuyển nhượng trước ngày 03/6/2021. Ngày 27/05/2021, hai bên tiến hành ký kết hợp đồng chuyển nhượng đối với quyền sử dụng đất nêu trên tại Văn phòng Công chứng L, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Sau khi hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng, ông T2, bà L đã thanh toán tiếp cho ông H, bà T số tiền 800.000.000 đồng. Số tiền còn lại 1.500.000.000 đồng được ông T2, bà L thanh toán bằng thủ tục vay tiền từ Ngân hàng Thương mại Q - Chi nhánh G - Phòng giao dịch P (viết tắt là Ngân hàng). Cùng ngày, hai bên ra Ngân hàng để lập biên bản thỏa thuận thanh toán tiền mua bán bất động sản. Theo nội dung biên bản, Ngân hàng sẽ giải ngân trực tiếp vào tài khoản của ông H, bà T số tiền 1.500.000.000 đồng, đồng thời sẽ bị tạm khóa tài khoản đến ngày 26/6/2021, Ngân hàng sẽ mở khóa tài khoản sau khi ông T2, bà L cung cấp đầy đủ các chứng từ chứng minh gồm hợp đồng chuyển nhượng công chứng và thực hiện hoàn tất thủ tục bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và quy định của Ngân hàng. Đồng thời, hai bên đã tiến hành lập biên bản thỏa thuận thanh toán tiền mua đất. Theo nội dung biên bản thì ông T2, bà L xác nhận còn nợ ông H, bà T số tiền 1.500.000.000 đồng. Số tiền này đã được Ngân hàng chuyển vào tài khoản của ông H, bà T và bị tạm khóa đến khi ông T2, bà L hoàn tất thủ tục thế chấp tại Ngân hàng.

Cùng ngày 27 tháng 5 năm 2021, giữa ông H và bà L, ông T2 có tiến hành lập biên bản thỏa thuận thanh toán tiền mua nhà đất nội dung đến ngày 05/6/2021, số tiền 1.500.000.000 đồng vẫn bị phong tỏa một phần hoặc toàn bộ thì ông T2, bà L phải thanh toán thêm lãi suất chậm thanh toán với mức lãi suất 20%/năm cho toàn bộ số ngày chậm thanh toán trên số tiền nợ chậm thanh toán đến ngày ông H, bà T nhận được toàn bộ số tiền 1.500.000.000 đồng. Nhưng phải đến ngày 11/10/2021, vợ chồng ông T2, bà L mới đáp ứng đủ các thủ tục, điều kiện để Ngân hàng mở khóa tài khoản. Từ ngày hai bên ký kết hợp đồng đặt cọc đến ngày 11/10/2021 thì toàn bộ tiền thuê nhà vẫn do ông H, bà T thu.

Căn cứ vào biên bản thỏa thuận thanh toán tiền mua nhà đất được lập ngày 27 tháng 5 năm 2021 nói trên thì ông T2, bà L đã vi phạm thỏa thuận của hai bên. Do đó, ngoài số tiền 1.500.000.000 đồng, ông T2, bà L phải có trách nhiệm thanh toán cho ông H, bà T số tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 20%/năm cho tổng 127 (một trăm hai mươi bảy) ngày, bắt đầu từ ngày 5/6/2021 đến ngày 11/10/2021. Số tiền vợ chồng ông T2, bà L phải thanh toán lãi cho ông H, bà T là $1.500.000.000 \times 0,055\% \times 127 \text{ ngày} = 105.833.333 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, khi vợ chồng ông H, bà T liên hệ để yêu cầu ông T2, bà L thanh toán số tiền trên thì ông T2, bà L luôn né tránh, không đồng ý thanh toán cho ông H, bà T.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông Lê Đình T2 và bà Hà Thị L thanh toán cho ông Vũ Long H, bà Trần Thụy Bảo T số tiền: 105.833.333 đồng lãi suất chậm thanh toán mà ông T2 và bà L đã vi phạm theo biên bản thỏa thuận thanh toán tiền mua nhà đất được lập ngày 27 tháng 5 năm 2021.

- Bị đơn ông Lê Đình T2 và bà Hà Thị L trình bày:

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, giữa bà Hà Thị L, bà Trần Thụy Bảo T và ông Vũ Long H có ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 2437, quyền số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng L đối với thửa đất 2861, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại phường Tân Đông Hiệp, thành phố D, tỉnh Bình Dương, giá trị đất là 2.500.000.000 đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng công chứng ngày 27 tháng 5 năm 2021 thì ông T2, bà L đã giao cho ông H, bà T số tiền 1.000.000.000 đồng, số tiền còn thiếu là 1.500.000.000 đồng sẽ được thanh toán sau khi vợ chồng ông T2, bà L hoàn tất thủ tục thế chấp quyền sử dụng đất này tại Ngân hàng Q – Chi nhánh G – Phòng giao dịch Phan Văn Trị.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2021, giữa ông T2, bà L và ông H có lập biên bản thỏa thuận thanh toán tiền mua nhà đất, nội dung văn bản này thể hiện thời hạn thanh toán số tiền 1.500.000.000 đồng cho đến ngày 05 tháng 6 năm 2021. Sau ngày 05 tháng 6 năm 2021 nếu ông T2, bà L không thanh toán thì phải chịu lãi suất chậm thanh toán là 20%/năm đối với số tiền 1.500.000.000 đồng. Lý do

lập biên bản cam kết để các bên có trách nhiệm hợp tác thúc đẩy làm xong hồ sơ thể chấp nhưng nếu theo quy định thì phải ít nhất là 45 ngày mới đăng ký biến động xong quyền sử dụng đất. Từ ngày 27 tháng 5 năm 2021, ông T2, bà L đã phải chịu lãi suất vay của số tiền 1.500.000.000 đồng đang tạm khóa trong tài khoản của ông Vũ Long H.

Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27 tháng 5 năm 2021 thì ông T2, bà L tiến hành thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất nhưng hồ sơ chưa có trích lục bản vẽ, nên ông Long, bà Tân phải mất 05 ngày mới trích lục được bản vẽ cho nên ngày 02/6/2021 thì ông bà mới nộp được hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất. Do các ông bà sống tại phường Bình Hòa, thành phố T, giữa lúc tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố D có gửi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà qua đường bưu điện, nhưng ông bà không nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bưu điện gửi đến nhà vì ông bà sống trong địa bàn áp dụng Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ và có thời gian thì áp dụng “Đông cứng, đóng chặt”. Nhiều lần ông bà có gọi điện Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố D hỏi hồ sơ nhưng họ trả lời là đã giao qua đường bưu điện. Đến khi hết dịch khoảng đầu tháng 10/2021, ông bà có đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố D hỏi thì Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố D có tra cứu và trả lời đã chuyển giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bưu điện Tân Đông Hiệp, khu phố Chiêu Liêu nên bà L đã liên hệ trực tiếp Bưu điện Tân Đông Hiệp, khu phố Chiêu Liêu để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khi ông T2, bà L nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông bà tiến hành xác nhận tình trạng bất động sản, ngày 06/10/2021 xin lịch ngân hàng để làm thủ tục thế chấp, đến ngày 09 hay ngày 10 tháng 10 năm 2021 mới giải ngân được số tiền 1.500.000.000 đồng. Thời điểm này ông H, bà T có nói với ông bà là không đề cập đến số tiền lãi nữa, do tin tưởng nên ông bà không hủy biên bản này nhưng không ngờ ông H, bà T đi khởi kiện. Ông bà xác định việc trễ thanh toán là do tình trạng bất khả kháng không phải lỗi của ông bà nên yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Long Hải, bà Trần Thụy Bảo T về việc “Kiện đòi tài sản” đối với bị đơn bà Hà Thị L, ông Lê Đình T2.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21 tháng 9 năm 2022, nguyên đơn ông H và bà T kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: căn cứ Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015, biên bản thỏa thuận thanh toán nhà đất lập ngày 27/5/2021 đáp ứng đầy đủ điều kiện có hiệu lực của giao dịch, cụ thể: tại thời điểm ký kết biên bản, hai bên tham gia ký kết có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, được ký kết hoàn toàn tự nguyện, nội dung ký kết không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do sự chậm trễ thanh toán nên đến ngày 05/6/2021 thì bà L, ông T2 vẫn chưa hoàn tất thủ tục đảm bảo khoản vay cho nên ngân hàng vẫn chưa thể thực hiện thủ tục mở tạm khóa tài khoản cho ông H, bà T. Ông T2, bà L vi phạm thời hạn thỏa thuận tại biên bản thỏa thuận do hai bên cam kết, do đó yêu cầu của ông H, bà T là có căn cứ. Ông T2, bà L cho rằng do dịch bệnh Covid-19 là sự kiện bất khả kháng nên được miễn trừ trách nhiệm là không có căn cứ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định nên Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 28/4/2021, ông Vũ Long H, bà Trần Thụy Bảo T thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất số 2861, tờ bản đồ số 2, tại phường Tân Đông Hiệp, thành phố D, tỉnh Bình Dương cho bà Hà Thị L với giá 2.500.000.000 đồng. Hai bên lập hợp đồng đặt cọc, bà L đặt cọc số tiền 200.000.000 đồng.

Ngày 21/5/2021, bà L, ông T2 (bị đơn) ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Q vay số tiền 1.500.000.000 đồng để thanh toán tiền mua thửa đất 2861 của nguyên đơn. Ngày 25/5/2021, ông H, bà T (nguyên đơn) và bà L, ông T2 (bị đơn) cùng Ngân hàng TMCP Q ký biên bản thỏa thuận thanh toán tiền mua bất động sản, Ngân hàng đồng ý và đã giải ngân và chuyển số tiền 1.500.000.000 đồng vào tài khoản của nguyên đơn ông H, bà T ngày 25/5/2021. Số tiền trong tài khoản của ông H, bà T bị tạm khóa từ ngày 25/5/2021 đến ngày 25/6/2021 mục đích để bị đơn ông T2, bà L hoàn thiện các thủ tục chuyển nhượng, hoàn thiện thủ tục đảm bảo tiền vay.

Ngày 27/5/2021, tại Văn phòng Công chứng L, ông H và bà T ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 2861 nêu trên cho bà L; bà L thanh toán tiếp số tiền 800.000.000 đồng. Cùng ngày 27/5/2021, nguyên đơn ông H, bà T và bị

đơn bà L, ông T2 lập “biên bản thỏa thuận thanh toán tiền mua nhà đất”, trong đó có nội dung bà L còn nợ số tiền 1.500.000.000 đồng, nếu sau ngày 05/6/2021 số tiền này vẫn bị phong tỏa một phần hay toàn bộ thì bà L phải trả tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm cho đến khi ông H, bà T được nhận số tiền 1.500.000.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ trên chứng minh đến ngày 27 tháng 5 năm 2021, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn đủ số tiền 2.500.000.000 đồng. Trong đó 1.500.000.000 đồng đã được nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận Ngân hàng chuyển vào tài khoản của nguyên đơn ông H vào ngày 25/5/2021 nhưng bị tạm khóa cho đến ngày 25/6/2021 sẽ được mở, để bị đơn thực hiện xong thủ tục ký kết hợp đồng chuyển nhượng, thực hiện xong thủ tục thế chấp vay thì tài khoản của nguyên đơn mới được mở.

Mặc dù, số tiền 1.500.000.000 đồng đã được Ngân hàng chuyển vào tài khoản của nguyên đơn. Số tiền này bị đơn bà L, ông T2 được xem như đang vay của Ngân hàng nên phải có nghĩa vụ trả lãi suất cho Ngân hàng từ ngày 25/5/2021. Đến ngày 11/10/2021, số tiền 1.500.000.000 đồng trong tài khoản của nguyên đơn được mở tạm khóa. Do đó, bị đơn bà L, ông T2 đã phải chịu lãi suất vay đối với số tiền 1.500.000.000 đồng từ ngày 25/5/2021 đến ngày 10/10/2021 là 52.355.403 đồng (bút lục 52).

Việc nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận đồng ý số tiền 1.500.000.000 đồng, bị đơn vay của Ngân hàng và được Ngân hàng chuyển vào tài khoản của nguyên đơn và Ngân hàng tạm khóa đến ngày 25/6/2021 nhưng giữa nguyên đơn và bị đơn lại thỏa thuận bị đơn chịu tiền lãi nếu từ ngày 05/6/2021 mà tài khoản của nguyên đơn chưa được mở là trái với thỏa thuận 03 bên nêu trên.

Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cũng thừa nhận ngày 27/5/2021, hai bên chưa làm thủ tục giao nhà, đất. Nguyên đơn cho người khác thuê nhà và tiền thuê nhà mỗi tháng 5.000.000 đồng phía nguyên đơn được hưởng đến tháng 12/2021 (*nguyên đơn trình bày tại phiên tòa phúc thẩm*). Nhận thấy, các bên đã thực hiện xong thủ tục chuyển nhượng tài sản nhưng thực tế từ ngày 25/5/2021 đến tháng 10 năm 2021 nguyên đơn đang quản lý, sử dụng tài sản đã chuyển nhượng cho bị đơn, đồng thời khai thác (*cho thuê*) hưởng hoa lợi nên việc bị đơn phải chịu lãi suất đối với nguyên đơn do số tiền của nguyên đơn trong tài khoản đang bị tạm khóa là không phù hợp với lẽ công bằng.

Việc bị đơn chậm trễ trong việc thực hiện các thủ tục thế chấp để Ngân hàng giải tỏa tài khoản của nguyên đơn là do các bên khi thực hiện giao dịch trên từ tháng 5/2021 thì đến tháng 6/2021 dịch bệnh Covid-19 trở lại, bị đơn sinh sống tại địa bàn khu phố Bình Đáng phường Bình Hòa, dịch bệnh Covid - 19 quá phức tạp, chính quyền phải áp dụng “Đông cứng, khóa chặt”, vì vậy trong thời gian này bị đơn không hoàn tất được thủ tục thế chấp là ngoài ý muốn của bị đơn. Khi dịch bệnh ổn định, trở lại bình thường mới thì bị đơn đã đăng ký thế chấp và Ngân hàng đã mở khóa tài khoản của nguyên đơn vào ngày 11/10/2021. Như vậy, việc bị đơn chậm thực hiện đăng ký thế chấp để Ngân

hàng giải tỏa tài khoản cho nguyên đơn là do khách quan, hoàn cảnh thay đổi cơ bản theo quy định tại Điều 420 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Với những nhận định trên, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số tiền 1.500.000.000 đồng là chưa phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, phân tích giải quyết, xét xử thấu tình đạt lý. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận.

[3] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là không phù hợp.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[5] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 48, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Long H và bà Trần Thụy Bảo T.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Án phí phúc thẩm: Ông Vũ Long H và bà Trần Thụy Bảo T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số 0000453 ngày 22/9/ 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính, Tư pháp;
- Lưu: HS, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tài

